

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT

Ngày 17 - 12 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Khánh Vân.

2. Ông Trương Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐ-PT ngày 05/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐ-PT ngày 26/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L.

Địa chỉ: Số nhà 033, đường C, tổ 19, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1.

Cùng địa chỉ: Số nhà 078, đường A, tổ 21, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Ông Bùi Thanh C - Địa chỉ: Tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L1: Ông Trịnh Nguyễn P - Địa chỉ: Số nhà 040, đường T, tổ 3, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày như sau:

Bà Trần Thị L có mối quan hệ thân quen với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 (vợ ông T). Từ năm 2014, bà L được biết ông T, bà L1 có đầu tư vào việc khai thác luyện kim màu và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Lào Cai cấp phép hoạt động. Đến năm 2017, do nguồn vốn gặp khó khăn nên ngày 15/8/2017 bà L có cho ông T, bà L1 vay khoản tiền là 15.981.461.000 đồng (*Mười lăm tỷ chín trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*), không tính lãi suất. Tiếp sau đó đến ngày 27/3/2018, ông T và bà L1 tiếp tục vay thêm của bà L số tiền 18.200.000.000 đồng (*Mười tám tỷ, hai trăm triệu đồng*), không tính lãi suất. Thời hạn trả nợ là khi bên vay (ông T, bà L1) giải quyết xong công việc của mình. Do công việc đầu tư làm ăn không hiệu quả nên ông T và bà L1 nhiều lần khát nợ không trả cho bà L như đã hẹn. Đến ngày 16/4/2019 bà L đã cùng ông T, bà L1 lập biên bản xác nhận công nợ, các bên có mặt đều ký vào biên bản, tại biên bản này đã xác nhận tổng số tiền ông T, bà L1 nợ bà L là 34.181.461.000 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Bà L và ông T, bà L1 thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng là vào cuối tháng 12/2019. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2019 ông T, bà L1 không trả nợ và không có mặt ở địa chỉ nơi cư trú, bà L đã rất nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho ông T, bà L1 để yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà L1 khát nợ không trả. Xét thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, vì vậy bà L đã làm đơn khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc đã vay là 34.181.461.000 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

Về nguồn gốc khoản tiền cho vay, bà Trần Thị L trình bày là khoản tiền làm ăn riêng của bà với ông T, bà L1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Đức T, anh Phạm Anh Đ, chị Phạm Thị Hồng N, chị Phan Diệu L2 là các thành viên trong hộ gia đình bà Trần Thị L về khoản tiền bà L cho vay, những người này đều khai là khoản tiền bà L cho vay không liên quan đến các thành viên trong hộ gia đình và cùng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố L đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 đến Tòa án để làm việc, đối chất, tiếp cận

chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án, nhưng ông T và bà L1 đều vắng mặt. Ngày 30/3/2020, TAND thành phố L nhận được bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Văn T đề ngày 25/3/2020; Ngày 04/5/2020, Tòa án nhận được Bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị L1 đề ngày 04/5/2020 (gửi qua đường bưu điện). Nội dung văn bản trình bày của bị đơn như sau: Ông T, bà L1 đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, tuy nhiên qua rà soát, kiểm tra lại tài khoản cá nhân tại ngân hàng thì ông T, bà L1 khẳng định không nhận được bất kỳ khoản tiền mặt cũng như chuyển khoản nào từ bà Trần Thị L. Vì vậy, ông T và bà L1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện vì trong thời gian chuẩn bị xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 đã trả nợ được cho bà L số tiền 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*). Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền gốc còn nợ lại là 34.181.461.000 đồng – 5.000.000.000 đồng = 29.181.461.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền nợ gốc còn lại là: 29.181.461.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Phần cụ thể, mỗi người phải trả cho bà L là 14.590.730.500 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 là ông Trịnh Nguyễn P giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn bà Trần Thị L giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp

nguyên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị L1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn, nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[3]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ năm 2017, 2018 bà Trần Thị L có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 vay tổng số tiền 34.181.461.000 đồng để làm ăn, buôn bán. Tổng số tiền vay nợ được các bên chốt lại vào ngày 16/4/2019, bà Trần Thị L đã cùng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 lập biên bản xác nhận công nợ xác nhận tổng số tiền ông T, bà L1 nợ bà L là 34.181.461.000 đồng (*Ba mươi tư tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Các bên thống nhất thời hạn trả nợ cuối cùng là vào cuối tháng 12/2019. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 đều không thừa nhận đã vay tiền của bà Trần Thị L. Tại Kết luận giám định số 18/GĐTL ngày 02/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận: Chữ ký và chữ viết trên biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/4/2019 là của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1. Như vậy, biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/4/2019 giữa bà L1 và ông T với bà L là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thống nhất được số tiền cho vay và tổng số tiền còn nợ. Vì vậy, biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/4/2019 là hợp pháp.

Trong đơn kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị L1 cho rằng không vay khoản tiền 34.181.461.000 đồng của bà L với lý do như sau:

Về khoản tiền 18.200.000.000 đồng: Ngày 27/3/2018 Công ty cổ phần Đ có 01 LC đến hạn phải thanh toán, mặc dù Công ty không có yêu cầu nộp số tiền

vào tài khoản để thanh toán LC, tuy nhiên ông Phạm Đức T đã chủ động chuyển số tiền 18.200.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần Đ mở tại ngân hàng S Lào Cai vào lúc 17h55', sau đó mua USD vào lúc 18h21' và thanh toán LC vào lúc 19h05' ngày 27/3/2018. Cá nhân bà L1 không biết và không được nhận khoản tiền nêu trên từ phía bà Trần Thị L, tại thời điểm đó bà L1 là thủ quỹ của Công ty cổ phần Đ nên ngày hôm sau là ngày 28/3/2018 ngân hàng S Lào Cai có gọi bà L1 lên ký hoàn thiện các hồ sơ nộp tiền cho Công ty cổ phần Đ và yêu cầu bà L1 ký nhận nợ khoản tiền 18.200.000.000 đồng đó.

Về khoản tiền 15.981.461.000 đồng là khoản tiền không rõ ràng, cá nhân bà L1 không được nhận toàn bộ số tiền này và cũng không biết vợ chồng ông T, bà L tính từ những khoản nào.

Tổng số tiền 34.181.461.000 đồng được ký trên biên bản đối chiếu công nợ ghi ngày 16/4/2019 là do bà L, ông T nói mất các khoản vay nợ gốc trước đây và muốn hợp thức hóa khoản tiền trên nên ông T, bà L đã yêu cầu bà L1 và ông T ký biên bản đối chiếu công nợ đó. Các chứng cứ mà người đại diện theo ủy quyền của bà L1 nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm là giấy nộp tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần Đ và một số giấy biên nhận tiền do anh Phạm Anh Đ và chị Phạm Thị Hồng N (là các con của bà L, ông T) có ký nhận một số khoản tiền nhất định. Tại bản tường trình đề ngày 02/12/2020 của ông Nguyễn Văn T cho rằng ông T không vay số tiền 34.181.461.000 đồng của bà L, số tiền này trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/4/2019 là do bà L tự làm ra.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ý kiến của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về giấy nộp tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần Đ ngày 27/3/2019 thể hiện người nộp tiền là bà Nguyễn Thị L1. Các giấy biên nhận tiền do anh Phạm Anh Đ và chị Phạm Thị Hồng N (là các con của bà L, ông T) có ký nhận một số khoản tiền. Tại các biên bản ghi lời khai của anh Đ và chị N ngày 14/12/2020 đều thể hiện anh Đ và chị N có ký nhận tiền của bà L1 là khoản tiền nhận hộ bà L. Anh Đ và chị N không liên quan gì đến các khoản tiền này vì đó là tiền của bà L1 trả cho bà L. Bà L khẳng định số tiền mà anh Đ và chị N ký nhận hộ bà không liên quan gì đến các khoản nợ được ghi trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/4/2019. Vì vậy, các chứng cứ của bị đơn đã nộp và ý kiến của bị đơn được nêu ở trên không có giá trị pháp lý để chứng minh cho kháng cáo của bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[5]. Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1. Giữ nguyên toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0008612 ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bà Nguyễn Thị L1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TP.Lào Cai;
- Chi cục THADS TP.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn